

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÁI PHIÊN**

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 12
NĂM HỌC 2020-2021**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 12 năm 2020

I. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN LỚP 12 NĂM HỌC 2020-2021
(Theo đề chung của Sở GD&ĐT)

1. Thời gian làm bài: 90 phút.

2. Cấu trúc: đề kiểm tra gồm 2 phần:

I. Đọc hiểu: 3,0 điểm

- Đề thường cho ngữ liệu đọc hiểu là một văn bản nghị luận, hoặc một đoạn trích văn xuôi/thơ (Gồm 4 câu với 3 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng)

- Phạm vi ra đề: lấy ngữ liệu ngoài SGK

II. Làm văn: 7,0 điểm

- Câu 1. Từ ngữ liệu đọc hiểu, viết đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về một vấn đề đặt ra ở phần đọc hiểu.

- Câu 2. Nghị luận về một đoạn thơ (4 – 6 câu) nằm trong tác phẩm đã học ở chương trình HKI, phạm vi giới hạn đến tuần 13 (theo Phân phối chương trình của Sở); không kiểm tra các tác phẩm đọc thêm.

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

PHẦN I: KIẾN THỨC ĐỌC HIỂU

1. Phương thức biểu đạt: Nhận diện qua mục đích giao tiếp

Tự sự

Trình bày diễn biến sự việc

Miêu tả

Tái hiện trạng thái, sự vật, con người

Biểu cảm

Bày tỏ tình cảm, cảm xúc

Nghị luận

Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận...

Thuyết minh

Trình bày đặc điểm, tính chất, phương pháp, nguyên lý, công dụng ...

Hành chính – công vụ

Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người với người

2. Phong cách ngôn ngữ:

a. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

- Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày, mang tính tự nhiên, thoải mái và sinh động, ít trau chuốt... Trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm trong giao tiếp với tư cách cá nhân

- Gồm các dạng chuyện trò/ nhật kí/ thư từ...

b. Phong cách ngôn ngữ báo chí

- Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự (thông tấn = thu thập và biên tập tin tức để cung cấp cho các nơi)

c. Phong cách ngôn ngữ chính luận

Dùng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, ; người giao tiếp thường bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai quan điểm tư tưởng, tình cảm của mình với những vấn đề thời sự nóng hổi của xã hội

d. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

- Dùng chủ yếu trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu

cầu thả mĩ của con người; từ ngữ trau chuốt, tinh luyện...

e. Phong cách ngôn ngữ khoa học

Dùng trong những văn bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học, đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu

f. Phong cách ngôn ngữ hành chính

- Dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực giao tiếp điều hành và quản lí xã hội (giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, Nhân dân với các cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan...)

3.1. Các biện pháp tu từ:

- **Tu từ về ngữ âm:** điệp âm, điệp vần, điệp thanh,... (tạo âm hưởng và nhịp điệu cho câu)
- **Tu từ về từ:** so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, tương phản, chơi chữ, nói giảm, nói tránh, thậm xưng,...
- **Tu từ về cú pháp:** Lặp cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối, im lặng,...

Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật)

- **So sánh:** Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc
- **Ẩn dụ:** Cách diễn đạt hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.
- **Nhân hóa:** Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn hơn.
- **Hoán dụ:** Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc
- **Điệp từ/ngữ/câu trúc:** Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm
- **Nói giảm:** Làm giảm nhẹ đi ý đau thương, mất mát nhằm thể hiện sự trân trọng
- **Thậm xưng (phóng đại):** Tô đậm ấn tượng về...
- **Câu hỏi tu từ:** Bộc lộ cảm xúc, gây chú ý...
- **Đảo ngữ:** Nhấn mạnh, gây ấn tượng về...
- **Đối:** Tạo sự cân đối nhịp nhàng giữa các vế, câu ...
- **Im lặng (...):** Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc, diễn biến tâm lý...
- **Liệt kê:** Diễn tả cụ thể, toàn diện sự việc

3.2. Các hình thức, phương tiện ngôn ngữ khác:

- Từ láy, thành ngữ, từ Hán – Việt ...
- Điển tích điển cố,...

4. Phương thức trần thuật

- **Lời trực tiếp:** Trần thuật từ ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể chuyện (Tôi)
- **Lời kể gián tiếp:** Trần thuật từ ngôi thứ ba – người kể chuyện giấu mặt.
- **Lời kể nửa trực tiếp:** Trần thuật từ ngôi thứ ba – người kể chuyện tự giấu mình nhưng điểm nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật trong tác phẩm.

5. Các phép liên kết (liên kết các câu trong văn bản).

- **Phép lặp từ ngữ:** Lặp lại ở câu đứng sau những từ ngữ đã có ở câu trước
- **Phép liên tưởng (đồng nghĩa / trái nghĩa):** Sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước
- **Phép thế:** Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước
- **Phép nối:** Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị quan hệ (nối kết) với câu trước.

6. Nhận diện các thao tác lập luận:

- **Giải thích:** là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình.
- **Phân tích:** là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kĩ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong của đối tượng. Sau đó tích hợp lại trong kết luận chung.

- **Chứng minh:** là đưa ra những cứ liệu - dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề.
- **Bình luận:** là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng... đúng hay sai, hay / dở; tốt / xấu, lợi / hại...; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng
- **Bác bỏ:** là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình.

- **So sánh:**

+ So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm.

+ Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản.

7. Yêu cầu nhận diện kiểu câu và nêu hiệu quả sử dụng

7.1. Câu theo mục đích nói:

- Câu tường thuật (câu kể)
- Câu cảm thán (câu cảm)
- Câu nghi vấn (câu hỏi)
- Câu khẳng định
- Câu phủ định.

7.2. Câu theo cấu trúc ngữ pháp

- Câu đơn
- Câu ghép/ Câu phức
- Câu đặc biệt.

8. Yêu cầu xác định nội dung chính của văn bản/ Đặt nhan đề cho văn bản.

9. Yêu cầu nhận diện các lỗi diễn đạt và chữa lại cho đúng

9.1. Lỗi diễn đạt (chính tả, dùng từ, ngữ pháp)

9.2. Lỗi lập luận (lỗi lôgic...)

10. Yêu cầu nêu cảm nhận nội dung và cảm xúc thể hiện trong văn bản.

- Cảm nhận về nội dung phản ánh.
- Cảm nhận về cảm xúc của tác giả.

11. Yêu cầu xác định từ ngữ, hình ảnh biểu đạt nội dung cụ thể trong văn bản.

- Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh thể hiện nội dung cụ thể/ nội dung chính của văn bản.
- Chỉ ra từ ngữ chứa đựng chủ đề đoạn văn.

11. Yêu cầu xác định từ ngữ, hình ảnh biểu đạt nội dung cụ thể trong văn bản.

- Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh thể hiện nội dung cụ thể/ nội dung chính của văn bản.
- Chỉ ra từ ngữ chứa đựng chủ đề đoạn văn.

Lưu ý:

- Phương thức biểu đạt, phong cách ngôn ngữ, thao tác lập luận, biện pháp tu từ... trong bài tập đọc hiểu thường không sử dụng đơn lẻ mà có sự kết hợp nhiều thao tác, phương thức, biện pháp tu từ cho nên cần phải nắm vững một số biểu hiện để nhận diện chính xác, làm bài đúng và đạt hiệu quả cao.
- Viết đoạn văn thường phải căn cứ vào bài tập đọc hiểu để viết đúng nội dung yêu cầu cũng như hình thức của đoạn.

PHẦN HAI: ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN

2.1. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

2.1.1. Dạng bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

***Kiến thức chung:**

- Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí là dạng đề thường bàn về một quan điểm, một tư tưởng như: lòng dũng cảm, lòng khoan dung, thói vô cảm, vô trách nhiệm,...
- Dấu hiệu để nhận biết kiểu bài này là thường là những câu nói trực tiếp đề trong ngoặc kép của các nhà tư tưởng, các danh nhân nổi tiếng hoặc những câu văn, câu thơ, ý kiến trích dẫn trong tác phẩm văn học,...

***Cách làm:**

- Cần tìm hiểu tư tưởng trong câu nói là tư tưởng gì? Đúng, sai như thế nào? Từ đó xác định phương hướng bàn luận (*nội dung*) và cách bàn luận (*sử dụng thao tác lập luận nào*).

***Dàn ý khái quát:**

+*Mở bài*: Giới thiệu tư tưởng đạo lí cần bàn.

+*Thân bài*:

- Giải thích tư tưởng đạo lí.
- Phân tích mặt đúng, bác bỏ mặt sai.
- Phương hướng phân đấu.

+*Kết bài*:

- Ý nghĩa tư tưởng, đạo lí trong đời sống.
- Bài học nhận thức cho bản thân.

2.1.2. Dạng bài nghị luận về một hiện tượng đời sống

***Kiến thức chung:**

Nghị luận về một hiện tượng đời sống là dạng đề mang tính thời sự, bàn về một vấn đề của xã hội (tốt – xấu) đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày như: *tai nạn giao thông, bạo lực học đường, tiêu cực trong thi cử, ...*

***Cách làm:**

- Cần nêu rõ hiện tượng, phân tích mặt đúng, sai, lợi, hại. Chỉ ra nguyên nhân.
- Bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết bằng các thao tác lập luận phù hợp.
- Bàn luận và đưa ra những đề xuất, giải pháp của mình trước hiện tượng đó.

***Dàn ý khái quát:**

+*Mở bài*: Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận.

+*Thân bài*:

- Triển khai các vấn đề cần nghị luận
- Thực trạng của hiện thực đời sống, tác động (tích cực, tiêu cực)
- Thái độ của xã hội đối với hiện tượng, lí giải nguyên nhân (nguyên nhân khách quan, chủ quan), giải pháp để giải quyết hiện tượng.

+*Kết bài*:

- Khái quát lại vấn đề nghị luận.
- Thái độ của bản thân về hiện tượng đời sống cần nghị luận..

2.2. NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

2.2.1. Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

***Kiến thức chung:**

Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là nhằm tìm hiểu, phân tích từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu, cấu tứ... Từ phân tích trên để làm rõ được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó.

***Cách làm:**

- Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ.
- Bàn về những giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.
- Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ.

***Dàn ý khái quát:**

+Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, đoạn thơ.
- Giới thiệu khái quát yêu cầu của đề bài.

+Thân bài:

- Phân tích yêu cầu của đề bài. (Cần phải xây dựng được luận điểm để triển khai ý theo luận điểm ấy và hướng người đọc theo luận điểm vừa xây dựng của mình).
- Cần chú ý khai thác từ ngữ, nhịp thơ, các biện pháp tu từ để làm rõ nội dung.
- Diễn đạt phải rõ ràng, lời văn viết phải có cảm xúc.
- Mở rộng so sánh đề bài viết được phong phú, thuyết phục. Tránh diễn xuôi ý thơ, viết lan man.

+Kết bài:

- Đánh giá khái quát nội dung, nghệ thuật bài thơ, đoạn thơ.
- Tuỳ vào từng đề bài mở rộng, liên hệ với đời sống.

***LƯU Ý:**

- Dạng này có thêm kiểu đề: sau khi cảm nhận/phân tích đoạn thơ, rút ra nhận xét về phong cách nghệ thuật của tác giả, đặc sắc về một nét nghệ thuật hoặc rút ra bài học cho bản thân.
- Gợi ý: Cách làm tương tự như trên. Nhưng cuối phần thân bài, HS phải rút ra nhận xét, đánh giá về phong cách nghệ thuật của tác giả, một nét đặc sắc trong nghệ thuật được thể hiện trong đoạn thơ. Hoặc liên hệ đến bản thân: bài học, ý thức, trách nhiệm của bản thân về vấn đề được nói đến trong đoạn thơ.

+ Trên cơ sở những nội dung đã phân tích ở trên, HS cần đưa ra những nhận xét mang tính đánh giá về phạm vi, mức độ thể hiện phong cách nghệ thuật của tác giả; vai trò, tác dụng của việc sử dụng thủ pháp nghệ thuật đó.

+ Nếu yêu cầu rút ra bài học thì cần nêu rõ bài học nhận thức và hành động.

2.2.2. Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi

***Kiến thức chung:**

- Đối tượng của bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi, tức là tìm hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm hoặc một đoạn trích.
- Cần phải giới thiệu khái quát tác phẩm hoặc đoạn trích.
- Bàn về giá trị nội dung nghệ thuật của tác phẩm, đoạn trích theo định hướng của đề bài.
- Đánh giá chung về tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

***Cách làm:**

- Xác định yêu cầu của đề bài, những từ ngữ, câu văn chứa đựng nội dung phục vụ cho yêu cầu của đề.
- Xác lập được luận điểm chính, sử dụng các thao tác lập luận để làm rõ luận điểm.
- Kết hợp giữa phân tích nội dung và nghệ thuật, hành văn phải cô động, không sáo rỗng. Giọng văn phải kết hợp giữa lí luận và suy tư cảm xúc.

3. Dàn ý khái quát:

+Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác củatác phẩm, đoạn trích..
- Giới thiệu khái quát yêu cầu của đề bài.

+Thân bài:

- Phân tích yêu cầu của đề bài. (Cần phải xây dựng được luận điểm để triển khai ý theo luận điểm ấy và hướng người đọc theo luận điểm vừa xây dựng của mình).
- Cần chú ý khai thác từ ngữ, câu văn, các biện pháp tu từ để làm rõ nội dung.
- Diễn đạt phải rõ ràng, Giọng văn phải kết hợp giữa lí luận và suy tư cảm xúc.

- Mở rộng so sánh để bài viết được phong phú, thuyết phục. Tránh tóm tắt hoặc kể xuôi, viết lan man.
+ *Kết bài*:

- Đánh giá khái quát nội dung, nghệ thuật tác phẩm hoặc đoạn trích.

- Tùy vào từng đề bài mở rộng, liên hệ với đời sống.

2.2.3. Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng: về văn học lịch sử, về lí luận văn học, về tác phẩm văn học...

2. Các bước triển khai:

a. Tìm hiểu đề: Đọc kĩ đề, giải thích nghĩa của các từ, cụm từ, câu khó hiểu trong đề.

b. Lập dàn ý:

+ *Mở bài*: Giới thiệu vấn đề, trích dẫn ý kiến.

+ *Thân bài*:

Giải thích và nhận định ý kiến

Phân tích để chứng minh ý kiến

Nhận định, đánh giá ý kiến: phạm vi, mức độ toàn diện của ý kiến. Hoặc bổ sung những mặt chưa đúng của ý kiến.

+ *Kết bài*: Nêu ý nghĩa và tác dụng của ý kiến đó đối với văn học và đời sống.

PHẦN BA: TÁC PHẨM VĂN HỌC

BÀI: KHÁI QUÁT VHVN TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỶ XX

I. Khái quát văn học VN từ cách mạng tháng tám 1945 đến 1975

1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa:

Văn học VN ra đời trong hoàn cảnh: cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc ngày càng ác liệt, 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, 21 năm kháng chiến chống Mỹ.

- Xây dựng CHXH ở Miền Bắc

- Nền kinh tế nghèo nàn chậm phát triển

- Điều kiện giao lưu văn hóa với nước ngoài không thuận lợi chỉ giới hạn trong một số nước như Liên Xô, Trung Quốc, Ba Lan...

2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu

a. Chặng đường từ năm 1945 – 1954

- Văn học gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến, hướng tới đại chúng, phản ánh sức mạnh của quần chúng nhân dân với phẩm chất tốt đẹp như: tình cảm công dân, tình yêu nước, tình đồng chí, đồng bào, lòng căm thù giặc tự hào dân tộc, tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.

- Truyện ngắn và kí: *Một lần tới thủ đô*, trận phố Ràng – Trần Đăng. *Đôi mắt*, *Nhật kí ở rừng* – Nam Cao. *Làng* – Kim Lân

- Thơ: có *Việt Bắc* – Tố Hữu, *Dọn về làng* – Nông Quốc Chấn, *Bao giờ trở lại* – Hoàng Trung Thông, *Tây Tiến* – Quang Dũng, *Bên kia sông Đuống* – Hoàng Cầm, *Nhớ* – Hồng Nguyên, *Đất nước* – Nguyễn Đình Thi, *Đồng chí* – Chính Hữu ... và một số bài thơ như *Nguyên tiêu*, *Báo tiệp*, *Đặng Sơn*, *Cảnh khuya của Hồ Chí Minh*.

- Về kịch: *Bắc Sơn*, *Những người ở lại* – Nguyễn Huy Tường, *Chị Hòa* – Học Phi

- Lí luận phê bình: *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam* – Trường Chinh, *Nhận đường máy vấn đề nghệ thuật* – Nguyễn Đình Thi

b. Chặng đường từ 1955 đến 1964

- Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát được khá nhiều vấn đề và phạm vi của hiện thực đời sống như *đề tài kháng chiến chống Pháp: Sống mãi với Thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng; *đề tài hiện thực đời sống trước Cách mạng: Tranh tối tranh sáng* của Nguyễn Công Hoan, *Mười năm của Tô Hoài*, *đề tài công cuộc CNXH: Sông Đà* của Nguyễn Tuân, *Mùa lạc* của Nguyễn Khải.

- Thơ ca phát triển mạnh mẽ. Các tập thơ xuất sắc ở chặng đường này gồm có: *Gió lộng* của Tố Hữu, *Ánh sáng và phù sa* của Chế Lan Viên, *Riêng chung* của Xuân Diệu, *Đất nở hoa* của Huy Cận, *Tiếng sóng* của Tế Hanh...

- Kịch nói có phát triển. Tiêu biểu: *Một đảng viên* Học Phi, *Chị Nhàn* và *Nỗi gió* của Đào Hồng Cẩm.

c. Chặng đường từ 1965 đến 1975

- Văn học tập trung viết về kháng chiến chống Mỹ. Chủ thể bao trùm là ngợi ca tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

- Văn xuôi: Các tác phẩm tiêu biểu như *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi, *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng ... *Bão biển* của Chu Văn, *Cửa sông* và *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu...

- Thơ: đạt nhiều thành tựu xuất sắc, đánh dấu bước tiến lớn của nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Thơ chặng đường này thể hiện rõ khuynh hướng mở rộng và đào sâu chất liệu hiện thực, đồng thời tăng cường sức khái quát, chất suy tưởng, chính luận. Nhiều tập thơ có tiếng vang, tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như: *Máu và hoa* của Tố Hữu, *Hoa ngày thường*, *chim báo bão* của Chế Lan Viên, *Vàng trắng quầng lửa* của Phạm Tiến Duật, *Gió Lào cát trắng* của Xuân Quỳnh, *Góc sân và khoảng trời* của Trần Đăng Khoa...

- Lịch sử thơ ca chặng đường này đặc biệt ghi nhận sự xuất hiện và những đóng góp của thế hệ nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ: Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm, Lê Anh Xuân, Lưu Quang Vũ.

- Kịch cũng có những thành tựu đáng ghi nhận. *Quê hương Việt Nam* và *Thời tiết ngày mai* của Xuân Trinh, *Đại hội trường của tôi* Đào Hồng Cẩm là những vở kịch tạo được tiếng vang bấy giờ.

d. Văn học vùng tạm chiếm

- Dưới chế độ Mỹ và chính quyền Sài Gòn, bên cạnh xu hướng văn học tiêu cực vẫn tồn tại xu hướng văn học tiến bộ, yêu nước và cách mạng. Nội dung tư tưởng nói chung của xu hướng văn học này đều nhằm phủ định chế độ bất công và tàn bạo, lên án bọn cướp nước và bán nước, thức tỉnh lòng yêu nước và ý thức dân tộc.

- Tác giả tiêu biểu: Vũ Hạnh, Trần Quang Long, Đông Trinh, Sơn Nam, Võ Hồng, Lý Văn Sâm, Viễn Phương...

3. Những đặc điểm cơ bản của VHVN từ 1945 đến 1975: 3 đặc điểm

a. Nền văn học phục vụ cách mạng, cổ vũ chiến đấu

- Văn học phục vụ CM, cổ vũ chiến đấu, khơi dậy tinh thần công dân, đặt lợi ích của cộng đồng, vận mệnh của dân tộc lên hàng đầu.

- Thế giới nhân vật trong VH tăng lớp nhân dân trên mọi miền đất nước mang lý tưởng tự do, độc lập, tinh thần chiến đấu chống xâm lược và XDCNXH.

- VH đề cao kiểu con người của lịch sử, của sự nghiệp chung, của đời sống cộng đồng.

- Tình cảm thẩm mỹ được thể hiện đậm nét trong VH từ 1945 – 1975 là tình đồng bào, đồng chí, đồng đội, tình quân dân, tình cảm với Đảng, lãnh tụ, với tổ quốc.

b. Nền văn học hướng về đại chúng

- Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh, vừa là người đọc, vừa là nguồn cung cấp lực lượng sáng tạo cho văn học.

- VH ca ngợi phẩm chất, tinh thần, sức mạnh của quần chúng lao động. Đó là những con người kết tinh những phẩm chất tốt đẹp của giai cấp nhân dân, dân tộc đồng thời phê phán tư tưởng coi thường quần chúng.

- VH 1945 – 1975 khẳng định sự đổi đời của nhân dân nhờ cách mạng

- Ngôn ngữ trong sáng, bình dị, nội dung dễ hiểu, chủ đề rõ ràng

- VH chú ý phát hiện và bồi dưỡng đội ngũ sáng tác từ đại chúng qua các phong trào văn nghệ quần chúng.

c. Nền văn học mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn:

* *Khuynh hướng sử thi:*

- VH từ 1945 – 1975 phản ánh những sự kiện, số phận toàn dân, cách mạng và anh hùng

- Nhân vật trong tác phẩm phải là những con người gắn bó số phận của mình với đất nước, đại diện cho giai cấp, dân tộc và thời đại, kết tinh những phẩm chất cao quý của cộng đồng.

- Nhà văn nhân danh cộng đồng mà ngưỡng mộ, ngợi ca những người anh hùng và những chiến công lớn.

- Ngôn ngữ sử thi là ngôn ngữ trang trọng tráng lệ, ngợi ca

* *Cảm hứng lãng mạn:*

VH mang cảm hứng lãng mạn luôn hướng về tư tưởng, về tương lai.

II. Khái quát về VHVN từ 1975 đến hết thế kỷ XX

1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa.

- Với chiến thắng mùa xuân năm 1975, dân tộc ta mở ra một thời kì mới: thời kì độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Tuy nhiên từ năm 1975 đến năm 1985, đất nước ta gặp những khó khăn, thử thách mới.

- Từ năm 1986 với công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo, kinh tế nước ta cũng từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường văn hóa cũng có điều kiện tiếp xúc rộng rãi với nhiều nước trên thế giới. Tất cả đã tạo điều kiện để văn học phát triển phù hợp nguyện vọng của nhà văn và người đọc cũng như quy luật phát triển khách quan của nền văn học.

2. Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu

- Thơ sau năm 1975 không tạo được sức cuốn, hấp dẫn như ở giai đoạn trước. Tất nhiên, vẫn có những tác phẩm ít nhiều tạo được sự chú ý của người đọc.

+ Chế Lan Viên từ lâu vẫn âm thầm đổi mới thơ ca. Những cây bút thời chống Mỹ cứu nước vẫn tiếp tục sáng tác, sung sức hơn cả là Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy, Hữu Thỉnh, Thanh Thảo...

- Thành tựu nổi bật của thơ ca giai đoạn này trường ca: *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo, *Đường lối thành phố* của Hữu Thỉnh. Một số tập thơ có giá trị khi ra đời ít nhiều tạo được sự chú ý: *Tự hát* của Xuân Quỳnh, *Người đàn bà ngồi đan* của Ý Nhi, *Thư mùa đông* của Hữu Thỉnh. Những cây bút thơ thuộc thế hệ sau năm 1975 xuất hiện nhiều, đang từng bước tự khẳng định mình như: *Một chấm xanh* của Phùng Khắc Bắc, *Tiếng hát tháng giêng* của Y Phương ...

- Văn xuôi sau năm 1975 có nhiều khởi sắc hơn thơ ca, một số cây bút bộc lộ ý thức muốn đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp cận hiện thực đời sống như Nguyễn Trọng Oánh, Thái Bá Lợi...

Từ đầu những năm tám mươi, văn xuôi tạo được sự chú ý của người đọc với những tác phẩm như: *Đứng trước biển* của Nguyễn Mạnh Tuấn, *Gặp gỡ cuối năm* của Nguyễn Khải, *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng...

Từ năm 1986, văn học chính thức bước vào chặng đường đổi mới. Văn học gắn bó hơn, cập nhật hơn những vấn đề của đời sống hàng ngày.

- **Phóng sự** xuất hiện đề cập đến những vấn đề bức xúc của đời sống.

- Văn xuôi thực sự khởi sắc với những tập truyện ngắn: *Chiếc thuyền về hưu* của Nguyễn Huy Cận, *Tướng về Hưu* của Nguyễn Huy Thiệp, tiểu thuyết *Bến không chồng* của Dương Hương, *Nỗi Buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, bút ký *Ai đã đặt tên cho dòng sông* của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

- Kịch nói sau năm 1975 phát triển mạnh mẽ. một số tác phẩm tạo được sự chú ý của khán giả như *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ, mùa hè ở biển của Xuân Trinh...

- Lý luận, nghiên cứu phê bình văn học cũng có sự đổi mới. Ngoài những cây bút có tên tuổi đã xuất hiện một số cây bút trẻ có nhiều triển vọng.

Như vậy, từ sau năm 1975, nhất là từ năm 1986, VHVN từng bước chuyển sang giai đoạn mới, Văn học vận động theo hướng *dân chủ hóa, mang tính nhân bản và nhân văn sâu sắc*. Cái mới của văn học giai đoạn này là tính chất hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân trong hoàn cảnh phức tạp, đời thường.

BÀI:

TÁC GIẢ HỒ CHÍ MINH

I. Tiểu sử: Hồ Chí Minh (1890 – 1969), Quê hương : Nam Đàn, Nghệ An

1. Nhà yêu nước và cách mạng vĩ đại của dân tộc
2. Nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân quốc tế
3. Nhà nghệ sỹ lớn trên nhiều lĩnh vực. Danh nhân văn hóa thế giới.

II. Sự nghiệp văn học:

1. Quan điểm sáng tác

- Coi văn chương là một vũ khí chiến đấu cho sự nghiệp cách mạng
- Coi trọng tính chân thật và tính dân tộc của tác phẩm
- Luôn xác định rõ mục đích và đối tượng khi viết.

Khi cầm bút, bao giờ cũng đặt câu hỏi: viết cho ai ?viết để làm gì ?và sau đó mới quyết định nội dung viết cái gì? và viết như thế nào?

2. Di sản văn học: lớn lao về tầm vóc tư tưởng phong phú về thể loại và đa dạng về phong cách nghệ thuật.

a. Văn chính luận:

+**Mục đích:** đấu tranh chính trị nhằm tiến công trực diện kẻ thù, thực hiện những nhiệm vụ cách mạng của dân tộc.

+**Nội dung:** lên án chế độ thực dân Pháp và chính sách thuộc địa, kêu gọi thức tỉnh người nô lệ bị áp bức liên hiệp lại trong mặt trận đấu tranh chung.

+**Một số tác phẩm tiêu biểu:** Các bài báo đăng trên tờ báo: *Người cùng khổ, Nhân đạo.. Bản án chế độ thực dân Pháp, Tuyên Ngôn độc lập Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, không có gì quý hơn độc lập, tự do*

b. Truyện và kí: Truyện ngắn: Hầu hết viết bằng tiếng Pháp xuất bản tại Paris khoảng từ 1922-1925: *Lời than vãn của bà Trưng Trắc*, con người biết mùi hun khói. *Vi hành* – Kí: *Nhật kí chìm tàu*. Vừa đi vừa kể chuyện.

+ **Nội dung:** Tố cáo tội ác dã man, bản chất tàn bạo xảo trá của bọn thực dân – phong kiến.... đề cao những tấm lòng yêu nước và cách mạng.

+ **Nghệ thuật:** Bút pháp hiện đại, nghệ thuật trần thuật linh hoạt, xây dựng được những tình huống độc đáo, hình tượng sinh động, sắc sảo.

c. Thơ ca: Có giá trị nổi bật trong sự nghiệp sáng tác, đóng góp quan trọng nền thơ ca VN. *Nhật kí trong tù* (133 bài). *Thơ HCM* (86 bài). *Thơ chữ Hán HCM* (36 bài).

3. Phong cách nghệ thuật:Độc đáo, đa dạng, mỗi thể loại VH đều có phong cách riêng, hấp dẫn.

a. **Văn chính luận**: ngắn gọn, tư duy sắc sảo, lập luận chặt chẽ, lý luận đanh thép, bằng chứng thuyết phục, giàu tính luận chiến, giàu cảm xúc hình ảnh, giọng văn đa dạng, hùng hồn đanh thép khi ôn tồn lặng lẽ thấu lý đạt tình.

b. **Truyện và kí**: hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng vừa có sự sắc bén, thâm thúy vừa hài hước, hóm hỉnh,...

c. **Thơ ca**: lời lẽ giản dị, mộc mạc, mang màu sắc dân gian hiện đại, dễ thuộc, dễ nhớ, có sức tác động lớn trong những bài thơ tuyên truyền, nghệ thuật hàm súc, có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và hiện đại, chất trữ tình và tính chiến đấu.

- Nhìn chung Phong cách nghệ thuật của Bác đa dạng, phong phú ở các thể loại nhưng rất thống nhất. Cách viết ngắn gọn, trong sáng giản dị, sử dụng linh hoạt các thủ pháp nghệ thuật.

4. **Đánh giá chung:**

- Thơ văn của Bác gắn liền với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, trở thành vũ khí đặc lực cho nhiệm vụ tuyên truyền, cổ vũ nhân dân chiến đấu và xây dựng.

- Thể hiện sâu sắc tư tưởng, tình cảm và tâm hồn cao cả của Người.

- Bác có nhiều tài năng trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật.

BÀI: TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP **-Hồ Chí Minh-**

I. Tìm hiểu khái quát

1. Hoàn cảnh ra đời

- Trên thế giới: Cuộc đại chiến lần thứ hai đang ở giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô đã tấn công vào tận sào huyệt của phát xít Đức. Ở phương Đông phát xít Nhật đã đầu hàng vô điều kiện đồng minh.

- Trong nước: Cả nước nổi dậy giành chính quyền. Ngày 26/8 Bác Hồ từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội. Tại ngôi nhà số 48 Hàng Ngang – Hà Nội, lãnh tụ Hồ Chí Minh soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập. Và Ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình – Hà Nội, Người thay mặt Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đọc bản Tuyên ngôn Độc lập trước hàng chục vạn đồng bào ta, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên mới Độc lập, Tự do.

2. Thể loại: Nghị luận chính trị xã hội(chính luận;tuyên ngôn)

3. Mục đích

Tuyên bố nền độc lập của dân tộc. Ngăn chặn âm mưu xâm lược của các nước thực dân, đế quốc.

II. Nội dung và nghệ thuật

- **Đoạn 1:** *Hỡi...Không ai chối cãi được*

Đặt vấn đề: Cơ sở pháp lý và chính nghĩa của bản Tuyên ngôn Độc lập

a. Nội dung:

- Khẳng định quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người. Đó là những quyền không ai có thể xâm phạm được; người ta sinh ra phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.

- Hồ Chí Minh đã trích dẫn 2 câu nổi tiếng trong bản Tuyên ngôn Nhân quyền của Mỹ và bản Tuyên ngôn Dân quyền của Cách mạng Pháp, trước hết là khẳng định Nhân quyền và Dân quyền là tư tưởng lớn, cao đẹp của thời đại, một lý tưởng và quyền bình đẳng, quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do của các dân tộc trên thế giới.

- Sau đó là đề đặt ngang hàng 3 cuộc cách mạng, 3 nền độc lập, 3 bản Tuyên ngôn lên một hàng, đã nối quá khứ với hiện tại, đưa cách mạng VN vào dòng chảy của cách mạng thế giới.

b. Nghệ thuật:

- Cách đặt vấn đề rất đặc sắc, lập luận khôn khéo và kiên quyết.
- Cách trích dẫn khéo léo của một nhà hoạt động chính trị, một nhà chính luận có tầm vóc và tài năng.

- Thủ pháp: “gây ông đập lưng ông”

2. Đoạn 2: *Thế mà....Dân chủ Cộng hòa*

Giải quyết vấn đề: Bản cáo trạng tội ác thực dân Pháp, khẳng định sự thật nhân dân VN đã làm CMT8 thành công, giành độc lập tự do cho đất nước.

a. Nội dung:

- Tố cáo toàn diện và sâu sắc những tội ác tày trời của thực dân Pháp.
- Vạch trần bộ mặt xảo quyệt, tham lam, giả dối của thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta”.

Năm tội ác chính trị: 1 – tước đoạt tự do dân chủ, 2 – luật pháp dã man, chia rẽ trị, 3 – chém giết những chiến sĩ yêu nước của ta, 4 – ràng buộc dư luận và thi hành chính sách ngu dân, 5- đầu độc bằng rượu cồn, thuốc phiện.

Năm tội ác lớn về kinh tế: 1- bóc lột tước đoạt, 2- độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng, 3- sưu thuế nặng nề, vô lý đã bần cùng nhân dân ta, 4- đè nén khống chế các nhà tư sản ta, bóc lột tàn nhẫn công nhân ta, 5- gây ra thảm họa làm cho hơn 2 triệu đồng bào ta chết đói năm 1945.

Trong vòng 5 năm (1940 – 1945) thực dân Pháp đã hèn hạ và nhục nhã “bán nước ta 2 lần cho Nhật”. Thắng tay khủng bố Việt Minh; “thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng”.

Từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Nhân dân ta đã nổi dậy giành chính quyền khi Nhật hàng đồng minh. Nhân dân đã đánh đổ các xiềng xích thực dân và chế độ quân chủ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa. Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Chế độ thực dân Pháp trên đất nước ta vĩnh viễn chấm dứt và xóa bỏ, trên nguyên tắc dân tộc bình đẳng mà tin rằng các nước Đồng minh “quyết không thể công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”.

b. Nghệ thuật:

- Dẫn chứng lịch sử- thực tiễn đanh thép, cách lập luận theo lối liệt kê, trùng điệp, tăng cấp, những hình ảnh ẩn dụ- tượng trưng, giọng điệu sôi sục căm hờn và đau xót.

- Cơ sở thực tế và lịch sử của bản Tuyên ngôn độc lập được Hồ Chí Minh lập luận một cách chặt chẽ với những lí lẽ đanh thép, hùng hồn.

3. Đoạn 3: Kết thúc vấn đề:

Lời tuyên bố Độc lập và khẳng định ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập, tự do của Chính phủ và toàn thể nhân dân Việt Nam.

a. Nội dung:

- Tuyên bố dứt khoát, triệt để: thoát li hẳn mọi ràng buộc trước đây, xóa bỏ tất cả, xóa bỏ hết những hiệp định bất công, bất bình đẳng mà chính quyền nhà Nguyễn đã kí với Pháp.

- Khẳng định ý chí và sức mạnh quyết tâm của cả dân tộc đoàn kết một lòng chống lại âm mưu xâm lược của thực dân Pháp.

- Tuyên bố với nhân dân tiên bộ thế giới: công nhận quyền độc lập của VN

- Khẳng định chắc nịch và đanh thép, ý chí thống nhất cao của toàn thể dân tộc VN quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền độc lập ấy.

b. Nghệ thuật: Lập luận vững chắc, chặt chẽ chính xác về ngôn từ.

III. Giá trị của bản TNDL

1. Về lịch sử: Là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn: tuyên bố chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta và mở ra kỉ nguyên mới độc lập.

2. Về văn học: TNĐL là bài văn chính luận ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, danh thép, lời lẽ hùng hồn, đầy sức thuyết phục, áng văn bất hủ.

BÀI: TÂY TIẾN
- Quang Dũng -

Phần 1: Tìm hiểu khái quát:

1. Tác giả : Quang Dũng (1921-1988)

- Tên thật là Bùi Đình Diệm.
- Quê quán Phượng Trì, Đan Phượng, Hà Tây.
- Cuộc đời: Từng gia nhập quân đội, làm thơ, viết văn, biên tập viên nhà xuất bản
- Con người : Là một nghệ sĩ đa tài “ Cầm, kì, thi, hoạ”, nhưng trước hết là một nhà thơ.
- Phong cách thơ: Hồn hậu, phóng khoáng, hào hoa, lãng mạn.

2. Các tác phẩm chính: *Rừng biên quê hương* (in chung, 1957), *Mùa hoa gạo* (truyện ngắn, 1950), *Mây đầu ô* (1986), *Thơ văn Quang Dũng* (tuyển thơ văn, 1988).

3. Hoàn cảnh ra đời:

* Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu cho đời thơ Quang Dũng, thể hiện sâu sắc phong cách thơ Quang Dũng, in trong tập thơ “Mây đầu ô”(1986).

- Tây Tiến là một đơn vị bộ đội thành lập năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt Lào và đánh tiêu hao sinh lực địch ở Thượng Lào và miền Tây Bắc Bộ Việt Nam.

- Địa bàn hoạt động của đoàn quân Tây Tiến khá rộng: từ Mai Châu, Châu Mộc sang Sầm Nưa rồi vòng về phía Tây tỉnh Thanh Hóa.

- Lính Tây Tiến phần đông là thanh niên, sinh viên Hà Nội. Họ chiến đấu trong điều kiện thiếu thốn, gian khổ nhưng vẫn lạc quan yêu đời.

- Quang Dũng làm đại đội trưởng ở đó một thời gian rồi chuyển đơn vị khác vào năm 1948. Xa đơn vị cũ không lâu, tại làng Phù Lưu Chanh vì nhớ anh em, đồng đội nên Quang Dũng đã viết bài thơ này.

- Bài thơ lúc đầu có tên gọi *Nhớ Tây Tiến*. Về sau tác giả bỏ chữ “nhớ” chỉ còn hai chữ Tây Tiến bởi bản thân hai chữ Tây Tiến đã bao hàm nỗi nhớ đoàn quân Tây Tiến.

Phần II. Nội dung và nghệ thuật

2.1. Đoạn 1:

Nội dung: Nhớ chặng đường hành quân gian khổ của đoàn binh Tây Tiến trên nền thiên nhiên miền Tây Bắc.

- 2 câu đầu:

+Cảm xúc chủ đạo: Nỗi nhớ

+Đối tượng của nỗi nhớ: Sông Mã, Tây Tiến, núi rừng

+Trạng thái của nỗi nhớ: “Nhớ chơi vơi”: nhớ sâu nặng, tha thiết, trào dâng, không định hình, không thể kìm nén.

Các câu còn lại: Nhớ chặng đường hành quân

- Các địa danh của miền Tây: Sài Khao, Mường Lát, Mai Châu...

- Cụm từ: sương lấp, đêm hơi

- Hình ảnh: Đoàn quân mỏi

Hành quân qua chặng đường đầy hoang vu, khắc nghiệt

Ý chí mạnh mẽ và tâm hồn bay bổng của người chiến sĩ Tây Tiến

+ Hình ảnh con đường hành quân:

- Điệp từ *dốc*

- Từ láy *khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút*

- Thanh trắc liên tiếp, dồn dập
- Hình ảnh *cồn mây, súng ngửi trời*
- Tiểu đối *ngàn thước lên cao/ ngàn thước xuống*
Con đường hành quân hiểm trở, gầy khúc, hoang sơ, trùng điệp
Người lính ngạo nghễ, hiên ngang

- Câu thơ: Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi: Toàn thanh bằng, tạo cảm giác về sự bình yên, êm ả

+ Sự hi sinh:

- Từ láy: *dãi dàu*
- Cụm từ: *không bước nữa, bỏ quên đời*

Gian khổ đến kiệt sức; Cái chết nhẹ nhàng, bi tráng.

- Nhớ ôi Tây Tiến...

- Mai Châu mùa em..

Khói cơm nghi ngút và hương vị lúa nếp xưa tan mệt mỏi và làm người lính tươi tỉnh sau những ngày hành quân.

Nghệ thuật: Từ ngữ giàu giá trị tạo hình, từ láy, phối hợp thanh bằng trắc...

2.2. Đoạn 2:

Nội dung:

+ Cảnh một đêm liên hoan văn nghệ:

- Không gian: “hội đuốc hoa” > huyền ảo, lung linh, rực rỡ.
- Âm thanh: “khèn” > vi vu, réo rắt.
- Nhân vật trung tâm: “em” với xiêm áo lộng lẫy (xiêm áo tự bao giờ) vừa e thẹn, tình tứ (e ấp) vừa duyên dáng trong điệu vũ làm đắm say lòng người (man điệu).
- “Kìa em”: cái nhìn vừa ngạc nhiên vừa mê say ngây ngất.
Vẻ đẹp lung linh, hoang dại, trữ tình đến mê hoặc.

+ Cảnh sông nước miền Tây:

- Không gian: chiều sương, dòng nước > mênh mông, nhòe mờ, ảo mộng.
- Hình ảnh: “hồn lau”, “đáng người trên độc mộc”, “hoa đong đưa” > những nét vẽ mềm mại, duyên dáng, khác hẳn những nét khắc bạo, khỏe, gân guốc khi đặc tả độc đèo miền Tây.

Nghệ thuật: chỉ gợi mà không tả, vận dụng bút pháp của nhạc, của họa để dựng cảnh > Đoạn thơ đầy chất nhạc, chất họa

2.3. Đoạn 3:

Nội dung:

- Hai câu đầu: Chân dung hiện thực của người lính

+ Vừa bi: “không mọc tóc”: vừa dễ tiện lợi trong việc đánh giáp lá cà, vừa phản ánh một thực tế - bị rụng tóc vì sốt rét, “quân xanh màu lá”: nước da xanh xao do ăn uống thiếu thốn, sốt rét bệnh tật hành hạ.

+ Vừa hùng: Tác giả không né tránh hiện thực tàn khốc của chiến tranh đã lưu dấu trên hình dung người lính nhưng qua cái nhìn đậm màu sắc lãng mạn:

“Đoàn binh” chứ không phải “đoàn quân” > hào hùng.

“Quân xanh màu lá” vẫn “dữ oai hùng” > oai phong, dữ dằn với tư thế lẫm liệt của chúa tể nơi rừng thiêng.

- Hai câu tiếp: Giác mộng lãng mạn của người lính

+ Tả vẻ lẫm liệt uy phong của người lính, nhà thơ không cố công khắc tạc tượng đài trượng phu khô cứng không tim.

+ Nổi nhớ trong giấc mơ: Hà Nội, dáng Kiều thơm: đằng sau vẻ ngoài dữ dằn, oai nghiêm là trái tim khao khát yêu thương, đầy chất nghệ sĩ

Vẻ đẹp hào hoa lãng mạn và trái tim khát khao yêu thương.

- 4 câu tiếp: cái chết bi tráng và sự bất tử.

+ Tả cái chết nhưng không bi lụy.

+ Hệ thống từ Hán Việt: biên cương, mồ viễn xứ, chiến trường, áo bào, khúc độc hành > không khí trang trọng thiêng liêng.

+ Phủ định từ “chẳng”: thái độ kiên quyết hi sinh vì nghĩa lớn.

+ Nói giảm nói tránh “anh về đất” > vội đi cảm giác đau thương.

+ “Khúc độc hành”: âm thanh át đi cảm xúc bi thương > gọi về sự ra đi của những anh hùng nghĩa sĩ thuở xưa > đưa tiền người là khúc độc hành của núi sông > bất tử hóa hình ảnh người lính Tây Tiến

Hình ảnh người lính đậm chất bi tráng, không bi lụy.

+ Tình cảm trân trọng, đau thương, thành kính của nhà thơ trước sự hi sinh đồng đội.

Vẻ đẹp hào hùng và hào hoa, đậm chất bi tráng của người lính Tây Tiến.

Nghệ thuật: sử dụng từ Hán Việt, tả thực, nói giảm; Bút pháp hiện thực kết hợp lãng mạn

2.4. Đoạn 4:

Nội dung:

- Tây Tiến người đi không hẹn ước/ Đường lên thăm thẳm...

Quyết tâm ra đi không hẹn ngày trở lại

- Ai lên Tây Tiến.../ Hồn về Sầm Nứa...

Khẳng định tâm hồn mình thuộc về Tây Tiến, không nghĩ đến ngày trở về.

Nghệ thuật: Nhịp thơ: chậm, giọng thơ: buồn nhưng tinh thần “chẳng về xuôi” vẫn mang linh hồn hào hùng của cả đoạn thơ.

BÀI:

VIỆT BẮC

- Tố Hữu -

I. Khái quát về tác giả, tác phẩm

1. Tác giả Tố Hữu:

- Xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo có truyền thống yêu văn chương.

- Sớm giác ngộ lí tưởng cách mạng, được kết nạp Đảng lúc 18 tuổi.

- Sau CMT8 từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và nhà nước.

- Con đường thơ và con đường hoạt động cách mạng của ông có sự thống nhất, không thể tách rời.

Mỗi tập thơ của ông là một chặng đường cách mạng.

-> Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam

Phong cách thơ Tố Hữu:

- Mang tính chất trữ tình chính trị.

- Mang đậm tính sử thi

- Giọng thơ tâm tình, đầm thắm, tự nhiên, chân thành.

- Đậm đà tính dân tộc

⇒ Thơ Tố Hữu là tấm gương phản chiếu tâm hồn một người chiến sĩ cách mạng suốt đời phấn đấu, hi sinh vì tương lai tươi đẹp của dân tộc, cuộc sống hạnh phúc của con người.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác:

- Chiến thắng Điện Biên Phủ thắng lợi. Tháng 7-1954, Hiệp định Giơ – ne – vơ về Đông Dương được kí kết. Hòa bình lập lại, một trang sử mới mở ra cho toàn dân tộc

- Tháng 10-1954, những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi, Trung ương Đảng, Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về lại thủ đô. Nhân sự kiện có tính lịch sử này, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ.

II. Nội dung và nghệ thuật của đoạn trích

1. Nội dung:

a) 8 câu thơ đầu:

- Tám câu thơ đầu là tâm trạng lưu luyến bịn rịn trong buổi chia tay:

+ Khơi gợi lại những kỉ niệm về “mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng”, về thiên nhiên Việt Bắc nghĩa tình.

+ Nỗi lòng lưu luyến của cả người ở lại và ra đi thể hiện qua những từ ngữ diễn tả tâm trạng trực tiếp

b) Lời người ở lại: Mười hai câu tiếp theo

- Với việc sử dụng điệp từ “nhớ”, là lời nhắn nhủ dưới hình thức câu hỏi:

+ Nhớ đến thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc trong những ngày kháng chiến

+ Nhớ đến những ân tình trong khó khăn gian khổ

+ Nhớ đến quãng thời gian hoạt động cách mạng

+ Đại từ xưng hô “mình” thể hiện sự gắn bó, thân thiết giữa kẻ ở, người đi. Nó giống như cách xưng hô tâm tình, thủ thỉ chân thành.

c) Lời của người ra đi: 70 dòng còn lại

- Bốn câu thơ tiếp khẳng định nghĩa tình thủy chung, mặn mà

- Người đi bày tỏ nỗi nhớ đến thiên nhiên Việt Bắc

- Nhớ đến con người Việt Bắc:

+ Những con người dù gian khó, vất vả nhưng vẫn có tâm lòng thủy chung

+ Nhớ đến những kỉ niệm ấm áp giữa bộ đội và đồng bào Việt Bắc

+ Nhớ hình ảnh những con người mang vẻ đẹp mộc mạc, giản dị của người lao động

- Nhớ hình ảnh quân dân Việt Bắc đoàn kết đánh giặc

- Nhớ những chiến công, những niềm vui thắng trận

- Niềm tự hào, niềm tin gửi gắm Việt Bắc Cách mạng (16 câu thơ cuối)

+ Nhớ hình ảnh tươi sáng nơi nguồn cội của cuộc cách mạng: ngọn cờ đỏ thắm, rợp rỡ sao vàng, có trung ương Đảng, có chính phủ và có Bác Hồ.

+ Đoạn thơ thể hiện niềm tin vào sức mạnh, khả năng lãnh đạo của Đảng trong các cuộc cách mạng, niềm tự hào vào những chiến công Việt Bắc.

2. Nghệ thuật

- Sử dụng sáng tạo hai đại từ “mình, ta” với lối đối đáp giao duyên trong dân ca, để diễn đạt tình cảm cách mạng

- Bài thơ Việt Bắc thể hiện tính dân tộc đậm đà:

+ Sử dụng thành công thể thơ lục bát truyền thống.

+ Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, quen thuộc, gần gũi, đậm sắc thái dân gian.

+ Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật tài hoa như điệp từ, liệt kê, so sánh, ẩn dụ tượng trưng...

+ Nhịp điệu thơ uyển chuyển ngân vang, giọng điệu thay đổi linh hoạt

BÀI:

ĐẤT NƯỚC

-Trích trường ca “Mặt đường khát vọng” Nguyễn Khoa Điềm-

I. Khái quát về tác giả, tác phẩm

Nguyễn Khoa Điềm sinh 1943 tại Phong Điền, Thừa Thiên Huế trong một gia đình trí thức có truyền thống yêu nước và cách mạng.

- *Trước 1975*: Nguyễn Khoa Điềm hoạt động trong phong trào học sinh sinh viên thành phố Huế, xây dựng cơ sở cách mạng, viết báo, làm thơ.
- *Sau 1975* : Tiếp tục hoạt động chính trị, văn nghệ tại Huế, từng giữ các chức vụ quan trọng trong lĩnh vực VH-VNghệ và TW Đảng.

Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ nhà thơ trẻ trưởng thành kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Thơ ông có sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng.

- Sau đại hội X của Đảng ông nghỉ hưu tại Huế, tiếp tục làm thơ.
- Năm 2000 được nhận giải thưởng nhà nước về VHNT.

2. Tác phẩm chính:

Đất ngoại ô (1972); Mặt đường khát vọng (1974); Ngôi nhà có ngọn lửa ấm (1986); Cõi lặng (2007).

3. Hoàn cảnh sáng tác trường ca “Mặt đường khát vọng”.

Trường ca *mặt đường khát vọng* được tác giả hoàn thành ở chiến khu Trị Thiên năm 1971. in lần đầu 1974, viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm Miền Nam về non sông đất nước, về sứ mệnh của thế hệ mình, xuống đường đấu tranh hoà nhập với cuộc chiến đấu chống Đế quốc Mỹ xâm lược.

Đoạn trích *Đất nước* phần đầu chương V của trường ca là một trong những đoạn thơ hay về đề tài Đất nước trong thơ hiện đại.

II. Nội dung & nghệ thuật đoạn trích

a) Phần 1:

*** Đoạn 1: Từ đầuĐất Nước có từ ngày đó... (Sự hình thành và phát triển của Đất Nước)..**

- Đất nước trong câu chuyện cổ tích, búi tóc của mẹ, miếng trầu của bà, cái kèo cái cột, hạt gạo ta ăn, cây tre quanh nhà, muối mặn, gừng cay...” bình dị, thân thiết trong những sự vật hàng ngày và trong cái vĩnh hằng rất đổi thiêng liêng.

- Các cụm từ: *Đất Nước bắt đầu, ..có trong...lớn lên* thể hiện sự hình thành, phát triển Đất Nước gắn liền với phong tục, tập quán, lối sống, quá trình dựng nước và giữ nước.

- Hai từ *Đất Nước* được viết hoa và đứng ở đầu câu tạo nên âm hưởng tự hào và khắc sâu chủ đề về hình tượng Đất Nước.

*** Đoạn 2 (Đất là nơi anh đến trường nhớ ngày giỗ tổ)**

- Đất nước trong không gian địa lí

+ Đất Nước - không gian đời thường gần gũi: Đường anh đến trường, nước em tắm.

+ Đất Nước - không gian của tình yêu đôi lứa. (*Tình yêu của cá nhân với tình yêu đất nước, – tư tưởng chung của thời đại*).

+ Đất Nước - không gian kì vĩ tráng lệ, không gian di dưỡng tâm hồn để những tâm hồn thiết tha với quê hương tìm về.

- Đất Nước trong chiều dài lịch sử:

+ Huyền thoại *Âu Cơ, Lạc Long Quân*, khơi dậy khối đoàn kết dân tộc.

+ *Giỗ tổ Hùng Vương*, chúng ta, con cháu mai sau...nhắc nhở hướng về truyền thống cội nguồn, hướng tới tương lai.

*** Đoạn 3 (Trong anh và em...Đất Nước muôn đời)**

- Đất Nước gắn bó thân thiết:

+ Đất Nước bên ta (Hạt muối, củ gừng, cái kèo, cái cột) Đất Nước hóa thân vào sự sống của mỗi chúng ta (Giọng nói, tính cách..)

+ Đất Nước trong quan hệ của tình yêu lứa đôi, trong tình cha mẹ với con cái, trong tình cảm cộng đồng rộng lớn, trong quá khứ, hiện tại, mai sau.

- *Trách nhiệm của chúng ta*: Gắn bó (đoàn kết) san sẻ (chung sức gánh vác trách nhiệm) thậm chí phải biết hi sinh cho Đất Nước.
- Đoạn thơ kết thúc như một lời nhắn nhủ chân thành về trách nhiệm với Đất Nước.

Tóm lại:

- *Chất liệu ca dao, truyền thuyết, cổ tích tác giả đã truyền đến bạn đọc hình ảnh Đất Nước từ quá khứ đến hiện tại, tương lai. Đất Nước bình dị nhưng rất đỗi thiêng liêng, Đất Nước hiện hữu trong cái hàng ngày và cái vĩnh hằng.*
- *Giọng thơ trữ tình chính luận: dồi dào cảm xúc, sâu lắng suy tư, chân thành tha thiết, truyền đến bạn đọc niềm yêu mến tự hào và ý thức trách nhiệm với Đất Nước.*

b. Phần 2: Tư tưởng Đất nước của nhân dân

*** Đoạn 1 (Từ những người vợ...hoá núi sông ta).**

- Các địa danh: *Vọng phu, trống mái, núi bút, non nghiên, con cóc, con gà, ông Đốc, ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm....* không phải là sự liệt kê giản đơn, mà là hình ảnh nhân dân bằng cuộc đời, sinh hoạt tiêu biểu, đặt tên cho núi sông.
- Những danh từ (*Người vợ.. người yêu nhau..người trò nghèo..người dân..gót ngựa..con gà..con cóc..con rồng*) kết hợp với các động từ *góp cho, góp nên, góp mình, để lại, góp tên*, với cách trình bày liệt kê kết hợp với quy nạp đã nâng tầm khái quát ý thơ.

*** Đoạn 2 (em ơi em...Họ làm ra Đất Nước).**

- Thời bình họ vất vả một nắng hai sương làm ra hạt lúa củ khoai nuôi sống mình và xây dựng phát triển Đất Nước.
- Thời chiến người con trai ra trận. Người con gái *nuôi con chờ chồng* và khi “*giặc đến nhà*” thì “*đàn bà cũng đánh*”.
- Họ sống giản dị, chết bình tâm, âm thầm cống hiến và lặng lẽ hi sinh. Những con người ấy là nhân dân – Người đã làm nên lịch sử oai hùng của dân tộc.

*** Đoạn 3 (còn lại)**

- Đại từ “*Họ*” kết hợp với các động từ “*truyền, gánh, đắp, be..*”Biện pháp liệt kê: *Hạt lúa, ngọn lửa, ngôn ngữ, tên xã, tên làng, làm lụng, trồng cây hái trái* khẳng định nhân dân trên hành trình sáng tạo ra giá trị vật chất, văn hoá..
- Hai vế “*Đất Nước này là Đất nước Nhân dân – Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại*” điệp lại 2 lần nhấn mạnh khái quát thành chủ đề cho cả đoạn thơ.
- Phẩm chất tốt đẹp của con người VN được thể hiện trong thơ ca dân gian: Say đắm thủy chung trong tình yêu, quý trọng nghĩa tình, quyết liệt với kẻ thù.

Nhận xét:

Đoạn thơ được trình bày theo phương pháp quy nạp, chất liệu văn hóa văn gian đậm đà, gần gũi: cảnh núi sông gắn liền với tâm hồn dân tộc. Cái bình dị quanh ta hòa quện với cái cao cả thiêng liêng để tạo nên vẻ đẹp vĩnh hằng của Đất nước.

BÀI:

SÓNG

- Xuân Quỳnh -

I. Khái quát về tác giả, tác phẩm

1. Tác giả:

- Xuân Quỳnh tên là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh (1942 –1988) quê Hà Nội. Sinh ra trong một gia đình công chức, sớm mồ côi mẹ. Cuộc đời bất hạnh, luôn khao khát tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử.
- Xuân Quỳnh là một nhà thơ tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường.

- Năm 2001, Xuân Quỳnh được tặng giải thưởng nhà nước về VHNT.

2. Các tác phẩm chính: *Tơ tằm – Chồi biếc* (1963), *Hoa dọc chiến hào* (1968), *Gió Lào cát trắng* (1974)...

3. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ Sóng

- Bài thơ sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), in trong tập *Hoa dọc chiến hào*.

II. Nội dung & nghệ thuật bài thơ:

1. Cảm nhận chung.

- Âm điệu của bài thơ

+ Thể thơ 5 chữ, khổ chẵn tạo trạng thái nhịp nhàng, đều đặn.

+ Từ đầu đến cuối bài thơ không hề có dấu chấm câu tạo âm hưởng miên man không dứt.

= > Âm hưởng đó của ngôn ngữ thơ ca cũng là nhịp điệu của sóng (*lúc dịu êm, lúc sôi nổi, nhịp nhàng sóng đôi triền miên bất tận*) đồng thời cũng vừa là nhịp điệu bên trong tâm hồn người đang yêu (*những đợt sóng cảm xúc sôi nổi, lắng sâu*).

- Hình tượng “sóng”:

+ Sóng và em là hai hình tượng tồn tại song song trong bài thơ. Có lúc tách ra trong kết cấu song hành. Có lúc hòa nhập trên một dòng thơ. Song hành để soi chiếu, hòa nhập để thấu tỏ.

+ Sóng trong bài thơ có tính thẩm mỹ là hình tượng ẩn dụ cho nhân vật trữ tình.

2. Nội dung & nghệ thuật:

a) Phần 1: (bảy khổ thơ đầu) Sóng và em – những nét tương đồng:

* *Khổ 1: Trạng thái của sóng và tình yêu.*

- Trạng thái đối lập, đa dạng của sóng: dữ dội – dịu êm, ồn ào – lặng lẽ.

trạng thái đối cực phức tạp, trong tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.

- Sóng khát khao vươn ra biển lớn để nhận thấy sức mạnh của mình. (*Sóng - không hiểu mình - Sóng - tìm ra bề*)

Người phụ nữ trong tình yêu không cam chịu, nhẫn nhục mà dứt khoát, quyết liệt từ bỏ cái tầm thường, nhỏ hẹp để đến với cái lớn lao khoáng đạt, bao dung.

* *Khổ 2: Sự vĩnh hằng của sóng và tình yêu*

- Sóng: *ngày xưa, ngày sau: vẫn thế* trường tồn của sóng trước thời gian.

- *Khát vọng tình yêu - bồi hồi trong ngực trẻ:* tình yêu là khát vọng lớn lao, vĩnh hằng của tuổi trẻ và nhân loại.

* *Hai khổ 3,4: Sự bí ẩn của sóng và tình yêu.*

- Sóng bắt đầu từ gió, gió bắt đầu từ đâu? Thiên nhiên cũng đầy bí ẩn.

- Người phụ nữ dựa vào sóng để truy tìm khởi nguồn của tình yêu. Tình yêu là tình cảm chỉ có thể cảm nhận không thể lí giải rạch ròi. Đây cũng chính là sức hấp dẫn của tình yêu.

- Điệp ngữ “em nghĩ” được lặp lại 2 lần đứng đầu dòng thơ thể hiện nhu cầu khám phá tự nhận thức của người phụ nữ.

* *Khổ 5: Đặc điểm của sóng và tình yêu.*

- Quy luật của sóng là luôn vận động hướng về bờ cũng như nỗi nhớ là tâm trạng thường trực của tình yêu.

- Nỗi nhớ da diết kéo dài qua thời gian chảy tràn qua không gian, chiếm lĩnh tâm hồn con người lúc mơ lúc tỉnh, cả vô thức lẫn tiềm thức.

- Điệp ngữ “con sóng” lặp lại 3 lần, số lượng câu thơ tăng như muốn phá tung giới hạn của bờ cũng là giai điệu da diết về tình yêu và nỗi nhớ.

**Khổ 6,7: Sự thủy chung son sắt và nghị lực vượt lên gian khổ..*

- Sóng vượt qua mọi chướng ngại để đến với bãi bờ cũng như tình yêu luôn vượt qua mọi chướng ngại để bảo vệ lòng chung thủy.

b) Phần 2: Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời và khát vọng tình yêu.

- *Khổ 8:* Giọng thơ trầm lắng suy tư, kiêu câu nhưong bộ: Âu lo, pháp phông, ý thức được cái vô cùng của vũ trụ >< cái nhỏ bé, hữu hạn của con người và sự mong manh của hạnh phúc (*cảm giác thường trực trong thơ XQ ở giai đoạn sau*).

- *Khổ 9:* Khát vọng sống hết mình trong tình yêu: khát vọng hóa thân thành sóng để bắt tử hóa tình yêu.

Tóm lại: Hành trình của “sóng” của tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu có sự vận động nhất quán, đó là cuộc hành trình có khởi đầu là sự từ bỏ cái chật chội, nhỏ hẹp để tìm đến một tình yêu bao la, rộng lớn, cuối cùng là khát vọng được sống hết mình trong tình yêu, muốn hóa thân thành tình yêu muôn thuở.

c. Nghệ thuật

+ Thể thơ năm chữ truyền thống; cách ngắt nhịp, gieo vần độc đáo, giàu sức liên tưởng.

+ Xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết.

3. Ý nghĩa văn bản

Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiết tha, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thủy, vượt lên mọi giới hạn của đời người.

BÀI:

ĐÀN GHI-TA CỦA LOR-CA

-Thanh Thảo-

Phần I: Tìm hiểu khái quát

a. Tác giả

- Thanh Thảo tên khai sinh là Hồ Thành Công. Ông sinh năm 1946, quê ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Sau khi tốt nghiệp Đại học, ông tham gia kháng chiến chống Mĩ ở chiến trường miền Nam.

- Thanh Thảo là một gương mặt tiêu biểu trong thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ, những người vừa cầm bút, vừa cầm súng.

- Thơ Thanh Thảo thường được gọi cảm hứng từ những nhân cách lớn mà ông hết lòng ngưỡng mộ

- Thanh Thảo là một trong những nhà thơ đi tiên phong trên con đường đổi mới thơ ca, đổi mới tư duy nghệ thuật, đặc biệt ở giai đoạn văn học sau 1975

b. Tác phẩm chính

- *Những người đi tới biển* (1977)

- *Dấu chân qua trăng cỏ* (1978)

- *Khối vuông ru-bic* (1985)

c. Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm (xuất xứ)

- Bài thơ *Đàn ghi-ta của Lorca* được trích ra từ tập thơ *Khối vuông rubic* (1985).

- Đặc điểm thi pháp: Bài thơ mang đậm dấu ấn của trường phái siêu thực, có sự kết hợp giữa bút pháp hiện thực và bút pháp siêu thực, trong đó bút pháp siêu thực được xem là một hướng thể nghiệm của nhà thơ trên con đường cách tân hình thức biểu đạt thơ ca.

Phần II: Nội dung và nghệ thuật

a. Đoạn một (sáu dòng thơ đầu):

- *Những tiếng đàn bọt nước:*

+ tiếng đàn: âm thanh

+ bọt nước: hình ảnh. Bọt nước là cái mong manh, dễ vỡ, cái không nắm giữ được.

→ Hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ: cuộc đời của Lorca cũng mong manh như bọt nước.

- *Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt*

+ Tây Ban Nha: hoán dụ chỉ Lorca

+ áo choàng đỏ gắt: gợi liên tưởng đến những đấu sĩ bò tót

→ Lorca trở thành một biểu tượng của đất nước Tây Ban Nha. Lorca là một hiệp sĩ trên đấu trường xã hội dữ dội, là người chiến sĩ đi tiên phong đấu tranh cho tự do, dân chủ, chống lại độc tài, phát xít, đấu tranh cho khát vọng cách tân nghệ thuật, chống lại nền nghệ thuật cũ kỹ, già nua.

- Dòng thơ thứ ba: *li-la li-la li-la*

Đây là một chuỗi âm tiết mô phỏng âm thanh tiếng đàn. Theo lí giải của Thanh Thảo, đó chính là một đoạn tremolo- kĩ thuật tạo hiệu ứng kéo dài cho tiếng ghi-ta

- Ba dòng thơ cuối:

đi lang thang về miền đơn độc

với vầng trăng chênh choáng

trên yên ngựa mỗi mòn

+ Những dòng thơ thiếu vắng chủ ngữ, chỉ có vị ngữ và hai trạng ngữ tạo ra sự lỏng lẻo trong cấu trúc câu. Đó là một biểu hiện của cấu trúc thơ siêu thực.

+ Chủ ngữ trong văn cảnh này là Tây Ban Nha, tức là người nghệ sĩ- chiến sĩ Lorca.

+ vầng trăng: cái đẹp, nghệ thuật

Chênh choáng: ngây ngất, say mê

→ trạng thái thăng hoa trong cảm xúc nghệ thuật

+ đi lang thang: đi không có chủ đích, không có sự sắp đặt. Phải chăng đó là bước chân của người nghệ sĩ siêu thực trên hành trình sáng tạo?

+ về miền đơn độc: trạng thái cô đơn

b. Đoạn hai (mười hai dòng thơ tiếp theo):

- Hai trạng thái đối lập: hát nghêu ngao > < áo choàng bê bết đỏ

+ hát nghêu ngao: Lorca là người nghệ sĩ tự do, vô tư

+ áo choàng bê bết đỏ: từ láy *bê bết* gợi màu đỏ của máu thấm ướt đầm chiếc áo choàng.

+ bỗng kinh hoàng: đột ngột, bất ngờ

- Tư thế của người nghệ sĩ- chiến sĩ lúc bị hành hình: *đi như người mộng du* → vẫn đang say sưa với nghệ thuật, với lí tưởng tranh đấu. Lorca đã dâng hiến cả những hơi thở cuối cùng của mình để sáng tạo nghệ thuật.

- Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Lorca:

+ điệp ngữ *tiếng ghi ta* là hoán dụ chỉ Lorca. Mỗi lần điệp ngữ được lặp lại là một quãng đời của Lorca được nhắc đến.

+ Hình ảnh siêu thực ở đoạn thơ này được tạo ra từ một loạt những phức hợp hoán dụ tu từ và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.

.tiếng ghi ta nâu: màu của đất đai giản dị

màu sôcôla- biểu tượng của tình yêu.

→ hình ảnh Lorca trẻ trung, say đắm trong tình yêu và gắn bó máu thịt với mảnh đất quê hương.

tiếng ghi ta lá xanh biết mấy: quãng đời tươi trẻ, tài năng và khát vọng đều đang ở đỉnh cao. “biết mấy” là từ tình thái chỉ thái độ tiếc nuối, xót xa.

tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan: sự nghiệp nghệ thuật của Lorca đang đạt tới đỉnh cao thành tựu thì Lorca bị giết hại.

tiếng ghi ta rỗng rỗng- máu chảy: ẩn dụ bổ sung và câu thơ vắt dòng tạo ấn tượng về dòng máu xối xả vẫn đang tuôn trào, nhức nhối.

Ý chuyển: Nỗi đau trước cái chết của Lorca vẫn còn đó, vẫn làm nhói lòng người đọc. Nhưng Thanh Thảo không chỉ nhìn cái chết ấy dưới góc độ một bi kịch mà còn nhìn ở góc độ khác. Cách nhìn ấy được bộc lộ ở mười ba dòng thơ cuối, nhà thơ trình bày những suy ngẫm, cảm xúc của mình về cuộc đời, sự nghiệp và cách ra đi của Lorca.

c. Đoạn ba (mười ba dòng thơ cuối):

- Sự chua xót cho tâm nguyện chưa thành của Lorca: *không ai chôn cất tiếng đàn- tiếng đàn như cỏ mọc hoang*

+ tâm nguyện của Lorca: “khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta”. Với tư cách là một người đi tiên phong trên con đường đổi mới, Lorca luôn cổ vũ cho sự tiến bộ, ông muốn thế hệ sau vượt qua mình để tiếp tục đạt tới những thành tựu cao hơn.

+ thực tế: sau cái chết của Lorca (1939), phe Cộng hòa thất bại. Bè lũ phát xít mà đứng đầu là Frãngco lên nắm quyền, đất nước Tây Ban Nha bị cai trị bởi chế độ độc tài. Sự nghiệp thơ ca tiên bộ của Lorca đã không có điều kiện tiếp tục phát triển.

-Lời ngợi ca dành cho sự nghiệp nghệ thuật của Lorca:

+ tiếng đàn như cỏ mọc hoang: sự nghiệp của Lorca bất tử như cỏ hoang, thứ cỏ có sức sống mãnh liệt, dồi dào.

-Nỗi đau chưa thể nguôi ngoai, vẻ đẹp còn sáng mãi:

+giọt nước mắt: niềm cảm thương, tiếc nuối, nỗi đau.

+ vàng trắng: cái đẹp, nghệ thuật

→ cùng trạng thái: *long lanh trong đáy giếng*: sống động, chưa khô đi, chưa biến mất.

Giọt nước mắt long lanh: nỗi đau vẫn chưa thể nguôi ngoai

Vàng trắng long lanh: cuộc đời và sự nghiệp của Lorca ngời lên vẻ đẹp.

-Niềm cảm phục trước thái độ và tư thế ra đi của Lorca:

+ đường chỉ tay đã đứt: số mệnh đã tận cùng, cái chết là điều tất yếu. Đây là cách nhìn nhận về cái chết của Lorca dưới góc độ tâm linh.

+ cách Lorca đón nhận cái chết của mình:

dòng sông: ranh giới sinh-tử (theo quan niệm văn hóa phương Đông)

chiếc ghia ta bạc: con thuyền đưa Lorca về thế giới vĩnh hằng.

→ Cùng với cây đàn ấy và cả sự nghiệp nghệ thuật của mình, Lorca đã *boi sang ngang*, đã đi từ cõi hữu hạn sang cõi vô hạn, từ cõi trần thế sang cõi vĩnh hằng. Chàng đã không chống đối, không vùng vẫy kháng lại số mệnh, không cố gắng níu kéo sự sống mà thanh thản ra đi. Chính thái độ bình thản trước cái chết ấy cho thấy sự tự nguyện dần thân và chấp nhận hi sinh vì lí tưởng của Lorca. Chỉ riêng thái độ ấy thôi, nhân cách của Lorca đã ngời sáng!

+ tư thế ra đi chủ động:

điệp từ *ném* diễn tả một động tác từ bỏ mạnh mẽ, dứt khoát.

lá bùa cô gái Di-gan: sinh mệnh

trái tim: tình yêu, sự vương vấn

→Lorca đã chủ động từ bỏ sinh mệnh của mình, không vương vấn, níu kéo mà thanh thản đi từ cõi trần thế hữu hạn sang cõi vĩnh hằng vô hạn.

-Dòng thơ cuối: *li-la li-la li-la...*

+ cách hiểu thứ nhất: âm thanh tiếng đàn tiếp tục lan tỏa, bất chấp việc Lorca bị sát hại một cách thảm khốc.

→ sự bất tử của Lorca và sự nghiệp của Lorca

+ cách hiểu thứ hai: hoa tử đinh hương. Những vòng hoa người đời dâng lên Lorca với lòng thành kính, ngưỡng mộ và yêu mến.

+ dấu ba chấm cuối dòng thơ: sự lan tỏa. Nhà thơ gửi gắm niềm tin vào những giá trị bất tử.

MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA MINH HỌA
NĂM HỌC 2020 – 2021

ĐỀ 1:

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

“Người ta rất dễ tự hành hạ mình vì những lỗi lầm từng gây ra. Rất nhiều người trong chúng ta cứ sống mãi với quá khứ mà không yêu mến hiện tại và xây dựng một tương lai tươi sáng. Có người lúc nào cũng loay hoay với những gì đã làm hoặc với những thất bại đã qua trong nhiều năm tháng. Chính điều đó khiến bạn sống một cuộc đời lãng phí.

Xin hỏi bạn câu này: Có điều gì thực sự là một lỗi lầm không? Trước tiên, chẳng ai muốn thất bại hoặc làm đảo lộn mọi chuyện. Mọi người chúng ta thức dậy mỗi buổi sáng, bước vào thế giới và làm thật tốt những gì có thể dựa vào kiến thức, vào khả năng mình có và chỗ đứng hiện nay trên hành trình cuộc đời. Nhưng quan trọng hơn nữa, điều mà ta gọi là lỗi lầm thực ra ẩn chứa nguồn học hỏi phong phú. Đó là cơ hội nhận thức và hiểu biết hơn để có được những kinh nghiệm quý giá. Kinh nghiệm giúp ta hành động ngày một hiệu quả hơn. Tất cả những gì xảy ra trong cuộc đời – tốt đẹp và khó khăn – đều cần thiết để giúp bạn trở nên con người hôm nay. Có lẽ điều chúng ta gọi là lỗi lầm, thực sự lại là những bài học trưởng thành dưới lớp da chó sói. Và có lẽ người nhiều kinh nghiệm nhất sẽ là người chiến thắng”.

(Trích *Đời ngắn đừng ngủ dài* – Robin Sharma – Phạm Anh Tuấn dịch)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên. (0.5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, đâu là nguyên nhân khiến bạn sống một cuộc đời lãng phí ? (0.5 điểm)

Câu 3. Anh / chị hiểu như thế nào về quan niệm: “Kinh nghiệm giúp ta hành động ngày một hiệu quả hơn” ? (1.0 điểm)

Câu 4. Anh / chị có đồng tình với quan niệm: “Người nhiều kinh nghiệm nhất sẽ là người chiến thắng” không ? Vì sao ? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh / chị về chủ đề: Bài học từ sự thất bại.

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng người lính trong đoạn thơ sau:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm.

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới,

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

(Trích *Tây Tiến* – Quang Dũng, *Ngữ văn 12*, tập 1, NXB GD 2016, tr 88&89)

.....HẾT.....

ĐỀ 2:

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Phần lớn chúng ta đều có lúc cần đến sự giúp đỡ của người khác. Cuộc sống là muôn màu, vì thế không phải lúc nào chúng ta cũng tự biết cách xoay sở mọi thứ. Biết được khi nào cần đến sự giúp đỡ và biết tìm kiếm sự giúp đỡ nơi đâu, đó là những yếu tố cơ bản cho sự sinh tồn và hạnh phúc ở mỗi người.

Một số người vẫn luôn từ chối sự giúp đỡ vì không thích cái cảm giác bản thân mình bất lực, phải cậy nhờ vào người khác. Số khác tuy không khước từ, nhưng điều đó lại khiến họ vô cùng buồn bực vì họ cảm thấy lòng tự tôn của mình bị tổn thương. Vì vậy, có những lúc bạn hào phóng ban tặng sự giúp đỡ cho những người đang thực sự cần nó, nhưng đừng quá ngạc nhiên vì họ có thể đáp lại lòng tốt của bạn bằng những hành động khác thường như phản kháng, công kích, cáu gắt hay những phản ứng khiến bạn bị thương. Tất cả những biểu hiện đó, nếu có, là do họ đang phải vật lộn với lòng tự tôn cũng như sự kiêu hãnh của chính mình. Họ đang tìm mọi cách né tránh thực tế rằng mình đang trong trạng thái bế tắc, rằng mọi việc đang diễn ra không theo mong đợi.

Vì vậy, hãy cân nhắc, thận trọng với thịnh tình của chính mình. Nếu muốn giúp đỡ một ai đó, trước hết, bạn phải học cách thể hiện thiện chí.

(Kent M. Keith Ph. D, 10 nghịch lý về cuộc sống, trang 132-133)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Dựa vào đoạn trích, hãy cho biết những yếu tố cơ bản cho sự sinh tồn và hạnh phúc của mỗi người là những yếu tố nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, tại sao một số người khi được giúp đỡ có thể sẽ đáp lại lòng tốt của bạn bằng những hành động khác thường như phản kháng, công kích, cáu gắt hay những phản ứng khiến bạn bị tổn thương? (0,5 điểm).

Câu 3. Trong đoạn trích, tác giả đề cập đến nghịch lý nào? Việc nhận ra nghịch lý ấy có ý nghĩa như thế nào? (1,0 điểm).

Câu 4. Theo anh/ chị, có nên lúc nào cũng hào phóng ban tặng sự giúp đỡ không? Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về cách thể hiện thiện chí khi ta muốn giúp đỡ người khác.

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài “Sóng” của nữ sĩ Xuân Quỳnh:

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức*

(Ngữ Văn 12 Cơ bản, Tập một, NXB Giáo dục, tr. 155, 156)

ĐỀ 3:

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Trong mỗi người chúng ta có chứa đựng hai phần đối lập - bóng tối và ánh sáng. Để hạnh phúc luôn mỉm cười, ta cần phát huy mặt tốt và không phủ nhận mặt xấu trong con người mình. Khi không dám đối diện với nỗi sợ hãi và cơn ác mộng dày vò tâm trí, ta sẽ gián tiếp khước từ những cảm xúc tốt đẹp đang hiện hữu trong trái tim mình. Và cứ thế bóng tối dần xâm chiếm và bao phủ lên những điều tuyệt vời ta đang có. Ngược lại nếu ta can đảm đương đầu và chiếu rọi ánh sáng vào những vùng tối tăm, bóng tối sẽ lùi lại và tan biến.

Thật vậy, sự trưởng thành của mỗi người phụ thuộc vào sự dũng cảm đối mặt với thử thách- những thử thách không chỉ ở thế giới bên ngoài mà còn ở thế giới nội tâm. Bóng tối sẽ không thể tồn tại nếu ta phơi bày nó trước ánh sáng của sự thiện tâm, lòng nhân hậu và sự khoan dung, bởi chẳng có bóng tối nào trên thế gian này có sức mạnh và quyền năng to lớn bằng tình yêu.

(Trích từ *Quên hôm qua sống cho ngày mai*, NXB Tổng hợp TPHCM, Tr 129)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.(0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, ta cần làm gì để hạnh phúc luôn mỉm cười? (0,5 điểm)

Câu 3. Anh / Chị hiểu như thế nào về lời khuyên: “Ta cần không phủ nhận mặt xấu trong con người mình”? (1,0 điểm)

Câu 4. “Sự trưởng thành của mỗi con người phụ thuộc vào sự dũng cảm đối mặt với thử thách”

Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm trên không? Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về sức mạnh to lớn của tình yêu.

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong phần trích *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) của Nguyễn Khoa Điềm:

Trong anh và em hôm nay

Đều có một phần Đất Nước

Khi hai đứa cầm tay

Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm

Khi chúng ta cầm tay mọi người

Đất Nước vẹn tròn, to lớn...

(Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr. 119-120)